

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty: Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng COTEC

Địa chỉ: Lầu 6, 9-19 Hồ Tùng Mậu, Q1, Tp.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(Quý 3 / năm 2009)

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

| Stt | Nội dung | Số dư đầu kỳ | Số dư cuối kỳ |
|------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 247,920,197,554 | 189,296,287,029 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 4,956,557,410 | 2,065,665,277 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 1,490,000,000 | 3,294,794,882 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 28,969,908,038 | 27,772,001,503 |
| 4 | Hàng tồn kho | 79,739,841,320 | 92,162,629,216 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 132,763,890,786 | 64,001,196,151 |
| II | Tài sản dài hạn | 65,140,663,064 | 64,836,621,218 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | | |
| 2 | Tài sản cố định | 29,214,852,232 | 28,910,810,386 |
| | - Tài sản cố định hữu hình | 3,256,643,232 | 2,518,558,178 |
| | - Tài sản cố định vô hình | | |
| | - Tài sản cố định thuê tài chính | 3,324,676,744 | 3,324,676,744 |
| | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 22,633,532,256 | 23,067,575,464 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | | |
| 4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 35,605,810,832 | 35,605,810,832 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 320,000,000 | 320,000,000 |
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 313,060,860,618 | 254,132,908,247 |
| IV | Nợ phải trả | 262,792,245,045 | 200,050,296,770 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 244,088,297,321 | 182,316,938,046 |
| 2 | Nợ dài hạn | 18,703,947,724 | 17,733,358,724 |
| V | Vốn chủ sở hữu | 50,268,615,573 | 54,082,611,477 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 49,921,503,306 | 53,735,499,210 |
| | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 24,714,510,000 | 27,185,960,000 |
| | - Thặng dư vốn cổ phần | 20,497,910,000 | 20,497,910,000 |

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty: Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng COTEC

Địa chỉ: Lầu 6, 9-19 Hồ Tùng Mậu, Q1, Tp.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(Quý 3 / năm 2009)

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

| Stt | Nội dung | Số dư đầu kỳ | Số dư cuối kỳ |
|------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | - Vốn khác của chủ sở hữu | | |
| | - Cổ phiếu quỹ | | (220,000) |
| | - Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | |
| | - Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | |
| | - Các quỹ | 1,342,790,334 | 1,342,790,334 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 3,366,292,972 | 4,709,058,876 |
| | - Nguồn vốn đầu tư XDCB | | |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 347,112,267 | 347,112,267 |
| | - Quỹ khen thưởng phúc lợi | 347,112,267 | 347,112,267 |
| | - Nguồn kinh phí | | |
| | - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 313,060,860,618 | 254,132,908,247 |

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty: Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng COTEC

Địa chỉ: Lầu 6, 9-19 Hồ Tùng Mậu, Q1, Tp.Hồ Chí Minh.

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Quý 3 / năm 2009)

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

| STT | Chỉ tiêu | Kỳ báo cáo | Lũy kế |
|-----|---|----------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 40,250,442,817 | 126,923,585,612 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 40,250,442,817 | 126,923,585,612 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 39,433,722,796 | 123,869,614,566 |
| 5 | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 816,720,021 | 3,053,971,046 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 282,145,395 | 1,164,643,873 |
| 7 | Chi phí tài chính | 655,694,308 | 2,363,568,855 |
| 8 | Chi phí bán hàng | | 0 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 682,507,374 | 1,765,006,715 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | -239,336,266 | 90,039,349 |
| 11 | Thu nhập khác | 5,157,142,859 | 5,161,842,859 |
| 12 | Chi phí khác | 738,085,054 | 738,085,054 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 4,419,057,805 | 4,423,757,805 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 4,179,721,539 | 4,513,797,154 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 365,725,635 | 395,186,209 |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 3,813,995,904 | 4,118,610,946 |
| 17 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1,543 | 1,666 |
| 18 | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu | | |

Tp.HCM , ngày 20 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc

ThS. Nguyễn Trọng Toán